

DANH SÁCH HỌC SINH QUẬN 3 ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	GIẢI
1	10001	37	Tiếng Pháp	Cecchin Nguyễn Jules	An		13	4	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Nhất
2	12004	36	Tiếng Nhật	Phan Hải	Anh		14	12	2007	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhất
3	14064	3	Công nghệ	Nguyễn Thành	Hung		6	5	2008	TP.HCM	9_07	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
4	8348	9	Địa lý	Nguyễn Trần Minh	Vy	x	9	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Bàn Cờ	Nhì
5	8273	5	Địa lý	Đặng Trần Anh	Thư	x	18	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Phan Sào Nam	Nhì
6	3006	1	Hóa học	Đặng Quốc	Anh		30	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bạch Đằng	Nhì
7	3079	12	Hóa học	Huỳnh Gia	Hân	x	3	9	2008	TP.HCM	9A4	THCS Bạch Đằng	Nhì
8	3281	4	Hóa học	Nguyễn Huỳnh	Quân		11	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bàn Cờ	Nhì
9	3059	11	Hóa học	Huỳnh Khánh	Dur	x	1	6	2008	Cà Mau	97	THCS Colette	Nhì
10	3179	17	Hóa học	Trần Hữu Nam	Long		30	6	2008	Đà Nẵng	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
11	13242	28	KHTN	Trần Lê Bảo	Trân	x	11	10	2008	Phú Yên	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
12	13207	26	KHTN	Phan Hoàng Ái	Tâm	x	5	8	2008	TP.HCM	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
13	13175	25	KHTN	Nguyễn Xuân	Nhi	x	2	2	2008	TP.HCM	9/5	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
14	7215	3	Lịch sử	Phạm Phú	Phúc		2	2	2008	TP.HCM	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
15	6338	5	Ngữ văn	Trần Hồng Bảo	Thy	x	4	1	2008	TP.HCM	95	THCS Colette	Nhì
16	6389	8	Ngữ văn	Phạm Nguyễn Thảo	Uyên	x	21	6	2008	TP.HCM	9-8	THCS Lê Lợi	Nhì
17	6209	19	Ngữ văn	Nguyễn Bảo	Nghi	x	3	9	2008	TP.HCM	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
18	6119	14	Ngữ văn	Trần Nguyễn Gia	Hân	x	29	4	2008	TP.HCM	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
19	4297	7	Sinh học	Phạm Vũ Bảo	Trân	x	18	12	2008	TP.HCM	9/20	Quốc tế Á Châu	Nhì
20	4057	20	Sinh học	Hồ Minh	Đặng		13	10	2008	TP.HCM	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nhì
21	4127	24	Sinh học	Phạm Yên	Linh	x	14	5	2008	TP.HCM	9_07	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
22	9314	32	Tiếng Anh	Nguyễn Anh	Quân		2	8	2008	TP.HCM	9/20	Quốc tế Á Châu	Nhì
23	9149	25	Tiếng Anh	Phan Bảo	Khánh	x	2	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bạch Đằng	Nhì
24	9241	29	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	x	12	2	2008	TP.HCM	9/6	THCS Bàn Cờ	Nhì
25	9035	20	Tiếng Anh	Trần Bùi Thụy	Anh	x	27	3	2008	TP.HCM	92	THCS Colette	Nhì
26	9012	19	Tiếng Anh	Hà Tú	Anh	x	19	10	2008	Hà Nội	98	THCS Colette	Nhì
27	9327	32	Tiếng Anh	Nguyễn Bá Phương	Quỳnh	x	26	1	2008	TP.HCM	94	THCS Colette	Nhì
28	9170	26	Tiếng Anh	Vũ Anh	Khôi		13	2	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
29	9250	29	Tiếng Anh	Lê Cao Giáng	Ngọc	x	5	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Kiến Thiết	Nhì
30	9132	24	Tiếng Anh	Nguyễn Duy	Khang		9	10	2008	TP.HCM	9-2	THCS Lê Lợi	Nhì
31	9086	22	Tiếng Anh	Trịnh Tuấn	Hải		16	1	2008	Hà Nội	9_13	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
32	12012	36	Tiếng Nhật	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	x	1	9	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
33	12023	36	Tiếng Nhật	Nguyễn Thanh Hải	Yến	x	24	6	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
34	12018	36	Tiếng Nhật	Hà Ngọc Thanh	Thảo	x	25	4	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
35	12002	36	Tiếng Nhật	Vũ Sơn	An	x	14	10	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
36	10019	37	Tiếng Pháp	Ninh Võ Minh	Ngọc	x	16	3	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Nhì
37	10012	37	Tiếng Pháp	Vũ Ngọc Sao	Khuê	x	12	2	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Nhì
38	10028	38	Tiếng Pháp	Phạm Thiên	Thanh	x	17	7	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Nhì
39	10015	37	Tiếng Pháp	Đỗ Hào Bảo	Ngân	x	8	5	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Nhì
40	10034	38	Tiếng Pháp	Đặng Anh Gia	Tuệ	x	19	3	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Nhì
41	10010	37	Tiếng Pháp	Lê Tuấn	Hung		19	4	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Nhì
42	5118	3	Tin học	Nguyễn Minh	Kiệt		22	4	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Nhì
43	5010	1	Tin học	Bùi Võ Quốc	Anh		20	12	2008	TP.HCM	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
44	5035	1	Tin học	Trịnh Thụy Nguyên	Cát	x	22	1	2008	Hoa Kỳ	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
45	1272	4	Toán	Trần Danh	Quý		27	10	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
46	14087	4	Công nghệ	Trần Quốc	Khang		26	6	2008	TP.HCM	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Ba
47	14092	4	Công nghệ	Lê Minh	Khánh		16	7	2008	TP.HCM	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Ba
48	8094	13	Địa lý	Võ Trần Gia	Hân	x	31	1	2008	TP.HCM	9/7	THCS Bàn Cờ	Ba
49	8164	17	Địa lý	Đào Quốc Anh	Minh		15	12	2008	Lâm Đồng	91	THCS Colette	Ba
50	8188	18	Địa lý	Nguyễn Hoài Gia	Ngọc	x	6	5	2008	TP.HCM	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ba
51	8087	13	Địa lý	Lê Ngọc Gia	Hân	x	29	11	2008	TP.HCM	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ba
52	3172	17	Hóa học	Mai Nguyễn Hoàng	Long		27	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Bạch Đằng	Ba
53	3130	15	Hóa học	Trần Nhật	Khánh		29	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bàn Cờ	Ba

STT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	GIẢI
54	3226	2	Hóa học	Nguyễn Như	Ngọc	x	22	1	2008	TP.HCM	9a1	THCS Đoàn Thị Điểm	Ba
55	3110	14	Hóa học	Phan Trâm	Hương	x	19	10	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hai Bà Trưng	Ba
56	3230	2	Hóa học	Vương Khánh	Ngọc	x	21	2	2008	TP.HCM	9_09	THCS Lê Quý Đôn	Ba
57	3379	9	Hóa học	Nguyễn Triệu	Vĩ		16	7	2008	TP.HCM	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Ba
58	13016	19	KHTN	Phạm Hoàng Mai	Anh	x	28	10	2008	TP.HCM	97	THCS Colette	Ba
59	13096	23	KHTN	Trần Mai	Khanh	x	7	6	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ba
60	13191	26	KHTN	Huỳnh Thanh	Phúc		17	7	2008	TP.HCM	9-2	THCS Lê Lợi	Ba
61	13075	22	KHTN	Bùi Hoàng	Huân		25	7	2008	TP.HCM	9A3	THCS Thăng Long	Ba
62	7094	13	Lịch sử	Hồ Sỹ Phúc	Hy		26	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bạch Đằng	Ba
63	7176	18	Lịch sử	Đặng Trần Bảo	Ngọc	x	27	3	2008	TP.HCM	9/8	THCS Bàn Cờ	Ba
64	7301	8	Lịch sử	Lê Vũ Thiên	Trung		2	11	2008	TP.HCM	9/5	THCS Hai Bà Trưng	Ba
65	6312	4	Ngữ văn	Đặng Lý Anh	Thư	x	26	4	2008	TP.HCM	9/5	THCS Bàn Cờ	Ba
66	6095	13	Ngữ văn	Huỳnh Thị Ngọc	Hà	x	3	2	2008	TP.HCM	9A3	THCS Kiến Thiết	Ba
67	6369	7	Ngữ văn	Lê Tuấn Phát	Triển		9	2	2008	Quảng Ngãi	9A2	THCS Kiến Thiết	Ba
68	6198	18	Ngữ văn	Lê Đặng Kim	Ngân	x	13	11	2008	TP.HCM	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Ba
69	6018	1	Ngữ văn	Hoàng Nguyễn Phương	Anh	x	29	4	2008	TP.HCM	9_05	THCS Lê Quý Đôn	Ba
70	6049	11	Ngữ văn	Lê Trí	Bảo		12	7	2008	TP.HCM	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ba
71	4122	24	Sinh học	Lê Hoàng	Linh	x	31	10	2008	Đồng Tháp	9/2	THCS Bàn Cờ	Ba
72	4037	2	Sinh học	Trần Trịnh Trâm	Anh	x	4	8	2008	TP.HCM	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Ba
73	4080	21	Sinh học	Phan Vĩnh Gia	Hân	x	25	6	2008	TP.HCM	9-1	THCS Lê Lợi	Ba
74	9031	20	Tiếng Anh	Phạm Vy	Anh	x	15	12	2008	TP.HCM	91	THCS Colette	Ba
75	9152	25	Tiếng Anh	Trần Huỳnh Bảo	Khánh	x	5	9	2008	TP.HCM	91	THCS Colette	Ba
76	9347	33	Tiếng Anh	Nguyễn Đình	Thiên		4	1	2008	TP.HCM	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ba
77	12007	36	Tiếng Nhật	Nguyễn Ngọc	Hà	x	25	11	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ba
78	12010	36	Tiếng Nhật	Võ Minh	Huy		18	10	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ba
79	12015	36	Tiếng Nhật	Đỗ Bảo	Phúc		7	3	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Ba
80	12022	36	Tiếng Nhật	Đoàn Hải	Vy	x	1	5	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Ba
81	12005	36	Tiếng Nhật	Trần Thủy Thiên	Băng	x	24	8	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Ba
82	10005	37	Tiếng Pháp	Lưu Di	Cầm		11	3	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Ba
83	10008	37	Tiếng Pháp	Trần Ánh	Dung	x	11	12	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Ba
84	10006	37	Tiếng Pháp	Đỗ Minh	Châu	x	24	9	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Ba
85	5193	5	Tin học	Tô Minh	Quang		11	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bạch Đằng	Ba
86	5109	3	Tin học	Nguyễn Sơn	Khôi		8	11	2008	TP.HCM	91	THCS Colette	Ba
87	5018	1	Tin học	Nguyễn Việt	Anh		19	2	2008	TP.HCM	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Ba
88	5016	1	Tin học	Nguyễn Quốc Nam	Anh		27	6	2008	TP.HCM	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Ba
89	5161	4	Tin học	Lê Ngọc Trọng	Nhân		28	2	2008	TP.HCM	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Ba
90	5231	6	Tin học	Phạm Quốc Phương	Trí		4	9	2008	TP.HCM	9_03	THCS Lê Quý Đôn	Ba
91	1094	13	Toán	Ngô Nhật	Huy		2	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bàn Cờ	Ba
92	1284	5	Toán	Lê Huỳnh Phúc	Tâm		10	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bàn Cờ	Ba
93	1323	7	Toán	Nguyễn Tấn	Toàn		3	11	2008	TP.HCM	93	THCS Colette	Ba
94	1250	3	Toán	Nguyễn Thiên	Phương	x	1	4	2008	TP.HCM	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Ba
95	1131	15	Toán	Lê Anh	Khôi		3	8	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ba
96	1120	14	Toán	Đặng Minh	Khoa		10	4	2008	TP.HCM	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ba
97	1057	11	Toán	Lê Thanh	Duy		2	4	2008	TP.HCM	9A2	THCS Kiến Thiết	Ba
98	1350	8	Toán	Võ Hồng Cầm	Tú	x	21	9	2008	TP.HCM	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Ba
99	1100	13	Toán	Trần Đăng Gia	Huy		10	3	2008	TP.HCM	9_02	THCS Lê Quý Đôn	Ba
100	1336	8	Toán	Nguyễn Đức	Trí		22	6	2008	Đà Nẵng	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ba
101	2076	13	Vật lý	Phan Thị Thu	Hà	x	12	8	2008	TP.HCM	9/3	THCS Bàn Cờ	Ba
102	2048	12	Vật lý	Hoàng Gia	Đặng		31	10	2008	TP.HCM	93	THCS Colette	Ba
103	2184	19	Vật lý	Trần Quang	Minh		6	3	2008	TP.HCM	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ba
104	2116	15	Vật lý	Lâm Bảo	Hy	x	27	2	2008	TP.HCM	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Ba
105	2162	18	Vật lý	Vũ Ngọc Phương	Linh	x	16	7	2008	TP.HCM	9_01	THCS Lê Quý Đôn	Ba
106	2183	19	Vật lý	Trần Nhật	Minh		5	12	2008	TP.HCM	9_01	THCS Lê Quý Đôn	Ba

Tổng cộng danh sách có 106 học sinh đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố năm học 2022 - 2023./.